

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

Bản án số: 04/2017/HC-PT

Ngày 21-12-2017

V/v khiếu kiện quyết định hành chính hành
vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Hà.

Các Thẩm phán: Bà Tô Thị Lý.

Ông Bùi Tiên Hưng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim - Thư ký TAND tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Cúc - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 05/2017/TLPT-HC ngày 02 tháng 10 năm 2017 về khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 01/2017/HC-ST ngày 28/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 05/2017/QĐPT-HC ngày 01 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1954; cư trú tại: thôn L Đ, xã Đ G, huyện Đ, tỉnh Thái Bình. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Nguyễn Văn Thắng - Văn phòng Luật sư Hải Chi thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội; địa chỉ: 29A/38/191, Lạc Long Quân, Thành phố Hà Nội. (có mặt)

- *Người bị kiện:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Bình.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Hoàng Đức K, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ (văn bản ủy quyền số: 01/2016/QĐ-UBND ngày 23/8/2016, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ G, huyện Đ, tỉnh Thái Bình. (có mặt).

+ Bà Đặng Thị Q, sinh năm 1956; cư trú tại : thôn L Đ, xã Đ G, huyện Đ, tỉnh Thái Bình. (vắng mặt)

+ Chị Nguyễn Thị Thúy D, sinh năm 1983; cư trú tại: căn hộ số X, Tầng 15, tổ hợp Văn phòng dịch vụ thương mại và nhà ở xã hội, phường D, quận C, Thành phố Hà Nội. (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của bà Đặng Thị Q và chị Nguyễn Thị Thúy D:
Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1954; cư trú tại : thôn L Đ, xã Đ G, huyện Đ, tỉnh Thái Bình (là người khởi kiện trong vụ án, văn bản ủy quyền ngày 31 tháng 12 năm 2016). (có mặt)

+ Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1981; cư trú tại: phòng A, chung cư B, G T, quận L, Thành phố Hà Nội. (có mặt).

- Người làm chứng:

+ Ông Nguyễn Xuân Đ, sinh năm 1951. (có mặt)

+ Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1963. (có mặt)

+ Ông Nguyễn Văn Đỗ Trọng Th, sinh năm 1951. (có mặt)

+ Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1954. (có mặt)

+ Ông Lê Văn Q, sinh năm 1960. (có mặt)

+ Ông Đặng Anh C, sinh năm 1961. (vắng mặt)

+ Ông Đặng Văn Y, sinh năm 1963. (có mặt)

Cùng cư trú tại: thôn L Đ, xã Đ G, huyện Đ, tỉnh Thái Bình.

+ Ông Bùi Văn H, sinh năm 1974. (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

+ Ông Nguyễn Tiến Đ (Nguyễn Ngọc Đ); sinh năm 1957.(có mặt)

Cùng cư trú tại: thôn A Đ, xã Đ G, huyện Đ, tỉnh Thái Bình.

+ Ông Nghiêm Văn V, sinh năm 1954. (có mặt)

+ Ông Đặng Văn Đ, sinh năm 1962. (vắng mặt).

+ Ông Trần Văn Ch, sinh năm 1952. (vắng mặt)

+ Ông Đặng Cao Kh, sinh năm 1960.(vắng mặt)

Cùng cư trú tại: thôn L Đ 1, xã Đ G, huyện Đ, tỉnh Thái Bình.

+ Ông Bùi Cao G, sinh năm 1963; cư trú tại : thôn N T, xã Đ G, huyện Đ, tỉnh Thái Bình (có mặt).

- Người kháng cáo: + Ông Nguyễn Văn Đ (là người khởi kiện).

+ Bà Đặng Thị Q, chị Nguyễn Thị Thúy D và anh Nguyễn Văn D (là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án hành chính sơ thẩm số 01/2017/HC-ST ngày 28/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình thì nội dung vụ kiện như sau:

** Theo đơn khởi kiện ngày 11/12/2015 và đơn bổ sung đơn khởi kiện ngày 23/12/2015, người khởi kiện là ông Nguyễn Văn Đ trình bày và có yêu cầu khởi kiện như sau:*

Năm 1989, ông Nguyễn Văn Đ và ông Đặng Văn Đ được Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã Đ G giao cho nhận khoán ao Hầy có diện tích là 1458 m² thuộc thôn L Đ, xã Đ G, huyện Đ, tỉnh Thái Bình, mỗi người được giao nhận khoán một nửa ao Hầy. Khi đó ông Nguyễn Xuân Đ (là Chủ tịch UBND xã Đ G thời điểm năm 1989 và là anh ruột ông Nguyễn Văn Đ) và ông Nghiêm Xuân V (là Phó Chủ tịch UBND xã Đ G thời điểm năm 1989) đến trực tiếp giao khoán ao Hầy cho ông Nguyễn Văn Đ và ông Đặng Văn Đ, nhưng không lập thành văn bản. Việc nộp sản lượng từ năm 1991 đến năm 1997 do ông Đặng Văn Đ đứng ra thu của ông Nguyễn Văn Đ và nộp cho UBND xã Đ G, còn sau đó ai thêm tên ông Trần Văn Ch và ông Đặng Anh C vào việc cùng nhận khoán ao Hầy thì ông Nguyễn Văn Đ không biết, bản thân gia đình ông Nguyễn Văn Đ vẫn sử dụng một nửa diện tích ao Hầy.

Tiêu chuẩn ruộng nông nghiệp của gia đình ông Nguyễn Văn Đ gồm có 4 khẩu là ông Nguyễn Văn Đ và vợ là bà Đặng Thị Q, các con là anh Nguyễn Văn D, chị Nguyễn Thị Thúy D. Đến cuối năm 2002, UBND xã Đ G đã giao cho hộ gia đình ông Nguyễn Văn Đ một nửa diện tích ao Hầy tương đương 729 m² là đất cơ bản (đất quỹ 1), để hộ gia đình ông sử dụng ổn định lâu dài vào việc nuôi trồng thủy sản được chứng minh bằng việc: Ngày 06/10/2003, ông Nguyễn Văn Đ có đơn xin đổi đất ao Hầy thành đất quỹ 1 gửi UBND xã Đông Giang; việc chuyển 729 m² đất ao Hầy giao cho gia đình ông thành đất quỹ 1 đã được ghi vào sổ quy chủ, phương án năm 2003. Ngày 01/11/2005, ông Nguyễn Văn Đ đã tự cân đối và làm đơn trả ra 268 m² đất ruộng xứ đồng Ngoài Ngoài, với lý do đã được UBND xã Đ G cân đối 729 m² đất ao Hầy vào đất quỹ 1 cho gia đình ông Nguyễn Văn Đ sử dụng ổn định, lâu dài. Việc làm đơn trả 268 m² đất ruộng xứ đồng Ngoài Ngoài của ông Nguyễn Văn Đ đã được Hợp tác xã, trưởng thôn xác nhận ngày 10/6/2006; ngày 09/11/2008, ông Th là trưởng thôn xác nhận ông Nguyễn Văn Đ đã có đơn trả ruộng cho UBND xã từ ngày 01/11/2005. Đến ngày 27/6/2006, ông Nguyễn Văn Đ phát hiện thấy bản sao sổ quy chủ do cán bộ địa chính xã Đ G quản lý bị xóa sửa chữa các con số (492 thành 401, con số 2540 là con số vô nghĩa không suy được con số gốc) sai nhiều so với bản quy chủ 01/12/2012. Sau đó ông Nguyễn Văn Đ đã có ý kiến về việc sửa chữa nêu trên, UBND xã Đ G đã có công văn số 14/UBND ngày 09/5/2009 có nội dung ghi: “Năm 2003, UBND xã phát hiện cán bộ chuyên môn cấp dưới tự cân đối một phần diện tích ao Hầy vào quỹ đất 1 và tham mưu cho cấp trên ký là sai. Việc này UBND xã đã kiểm điểm...”. Ngày 15/5/2009, ông Đặng Văn Đ xác nhận vào đơn do ông Nguyễn Văn Đ làm nội dung xã đã giao khoán ao Hầy cho ông Nguyễn Văn Đ và ông Đặng Văn Đ. Nhưng ông Đặng Văn Đ thay mặt ông Nguyễn Văn Đ đứng ra nộp sản lượng. Ngày 01/11/2010 do tính sản lượng

sai nên Chủ tịch UBND xã đã yêu cầu địa chính tính lại sản lượng. Bản quy chủ vẫn bị sửa chữa sai với bản gốc nhưng vẫn được Chủ tịch xã sao y bản chính ngày 01/12/2012.

Ngày 07/11/2012, ông Nguyễn Văn Đ làm đơn khiếu nại gửi lên Chủ tịch UBND xã Đ G với nội dung: Đề nghị giải quyết việc lên thông báo thu hồi sản phẩm khoán ao Hầy là oan sai cho hộ gia đình ông Đ, và ông Nguyễn Văn Đ khẳng Định Văn Đ $\frac{1}{2}$ diện tích đất ao Hầy đã được cân đối vào đất cơ bản (đất quỹ 1) giao cho hộ gia đình ông từ năm 2002.

Chủ tịch UBND xã Đ G đã ra Quyết định số 39/QĐ-UBND ngày 21/12/2012 về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) không chấp nhận đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn Đ với lý do khiếu nại của ông Nguyễn Văn Đ là không đúng. Ông Nguyễn Văn Đ tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện Đ. Ngày 31/12/2014, Chủ tịch UBND huyện Đ đã ra Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 9892/QĐ-UBND, công nhận quyết định số 39/QĐ-UBND ngày 21/12/2012 của Chủ tịch UBND xã Đ G về việc giải quyết đất ao Hầy tại thôn L Đ, xã Đ G là đúng, yêu cầu ông Nguyễn Văn Đ thực hiện quyết định số 39/QĐ-UBND ngày 21/12/2012 của Chủ tịch UBND xã Đ G.

Ngày 23/6/2014, UBND xã Đ G đã ra Thông báo số 12/TB-UBND về việc chấm dứt khoán sản đối với diện tích ao Hầy và ngày 02/6/2015 đã cho ông Đặng Văn Đ đầu thầu toàn bộ diện tích đất ao Hầy với thời hạn là 05 năm.

Ngày 14/12/2015, ông Nguyễn Văn Đ nộp đơn khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng và ngày 23/12/2015 có đơn bổ sung đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 9892/QĐ-UBND, ngày 31/12/2014 của Chủ tịch UBND huyện Đ, tỉnh Thái Bình và hủy quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 39/QĐ-UBND ngày 21/12/2012 của Chủ tịch UBND xã Đ G, huyện Đ, tỉnh Thái Bình.

- Yêu cầu UBND xã Đ G trả lại 729 m² đất ao Hầy, quy đổi bằng 243 m² đất quỹ 1 theo đúng pháp luật và chấm dứt ngay việc thông báo không kê sản từ năm 2006 đến nay.

- Yêu cầu UBND xã Đ G bồi thường tiền cá giống đã thả xuống ao Hầy từ ngày 11/6/2014 với số tiền là 2.805.000 đồng; bồi thường sản phẩm từ ngày 11/6/2014 đến ngày trả lại ao, cụ thể mỗi năm bằng 1,2 tấn thóc, tương đương 6.000.000 đồng; bồi thường danh dự trong 10 năm UBND xã Đ G thông báo kê sản; bồi thường chi phí 10 năm đi kêu oan khiếu nại.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Nguyễn Văn Đ rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu UBND xã Đ G bồi thường danh dự trong 10 năm UBND xã Đ G thông báo kê sản; bồi thường chi phí 10 năm đi kêu oan khiếu nại.

** Người bị kiện là Chủ tịch UBND huyện Đ có quan điểm trình bày như sau:*

Theo các tài liệu, hồ sơ do UBND xã Đ G cung cấp và hiện lưu tại UBND xã, thì

nguồn gốc và quá trình sử dụng đất ao Hầy như sau:

- Bản đồ 299/TTg đất ao Hầy thuộc thửa đất số 311, tờ bản đồ 03, diện tích 1.580 m²; loại (Ao);

- Qua xác minh ông Đặng Văn Đ trình bày: năm 1989, UBND xã Đ G đại diện là ông Nguyễn Xuân Đ chủ tịch xã giao cho ông Đặng Văn Đ nhận khoán đất ao Hầy (không có giấy tờ giao). Đến khoảng tháng 3/1990, ông Đặng Văn Đ vớt bèo, cải tạo ao Hầy để thả cá thì hộ ông Nguyễn Văn Đ, Đặng Anh C, Trần Văn Ch có ý kiến xin chung ao Hầy và ông Đặng Văn Đ đã đồng ý cho các hộ chung ao từ đó. Do thời gian đầu phải cải tạo ao nên Hợp tác xã nông nghiệp không thu sản khoán ao Hầy.

- Theo sổ thu ngân sách xã từ năm 1991 đến năm 1993 diện tích khoán ao Hầy là 1.458 m², sản khoán là 180 kg thóc/năm, đăng ký tên ông Đặng Văn Đ; theo tài liệu đo đạc năm 1993, đăng ký ông Đặng Văn Đ sử dụng 3010 m² ao trong đó diện tích ao Hầy thuộc thửa số 210, tờ bản đồ số 07/DC, diện tích 1.605 m², loại đất (Ao). Năm 1994 đến năm 1997, trên sổ phương án thu đăng ký tên ông Đặng Văn Đ, không ghi diện tích ao Hầy.

- Năm 1998, do việc thu sản phẩm từ khoán ao Hầy không tiện nên ông Đặng Văn Đ đề nghị chia cho 4 người gồm ông C, ông Nguyễn Văn Đ, ông Ch và ông Đặng Văn Đ mỗi người một phần ao trên phương án vụ xuân, diện tích của mỗi người như sau: ông Đặng Văn Đ (STT58) diện tích 492 m², sản thu 11,9 kg thóc; ông Nguyễn Văn Đ (STT 85) diện tích 491 m², sản thu 11,8 kg thóc; bà Th (vợ ông C) (STT 86) diện tích 491m², sản thu 11,8 kg thóc; ông Ch (STT 132) diện tích 491 m², sản thu 11,8 kg thóc. Trên sổ phương án vụ mùa không ghi diện tích chỉ thể hiện sản khoán vườn ao như sau: ông Đặng Văn Đ, sản thu 11,9 kg thóc; ông Nguyễn Văn Đ, sản thu 11,8 kg thóc; bà Th (vợ ông C), sản thu 11,8 kg thóc; ông Ch, sản thu 11,8 kg thóc.

- Năm 1999 đến vụ mùa năm 2002, trên sổ phương án thể hiện như sau: ông Đặng Văn Đ, diện tích 492 m², sản thu 13,6 kg thóc; ông Nguyễn Văn Đ, diện tích 491 m², sản thu 13,6 kg thóc; ông C, diện tích 491m², sản thu 13,6 kg thóc; ông Ch, diện tích 491m², sản thu 13,6 kg thóc.

- Năm 2002, khi UBND xã Đ G xây dựng phương án dồn điền đổi thửa đất nông nghiệp và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình trên địa bàn xã. Trong phương án số 02/PA-UB lập ngày 22/8/2002, mục II có thể hiện nội dung: “Ngoài ra diện tích ao Hồ xóm 1. Diện tích ao sau trường. Diện tích ao Hầy xóm 7 không đưa vào cân đối dồn điền đổi thửa đợt này”. Do vậy, ao Hầy vẫn là ao khoán không giao lại và các hộ vẫn tiếp tục sử dụng ao khoán.

- Tại thời điểm dồn điền đổi thửa năm 2002, hộ ông Nguyễn Văn Đ có khẩu nông nghiệp theo quyết Đặng Văn Đ 652/QĐ-UB ngày 11/7/1993 có 4 khẩu x 648 m² = 2592 m² và quyết Đặng Văn Đ 948/QĐ-UB ngày 25/9/2000 có 4 khẩu x 35m² = 140 m². Vậy tổng diện tích đất nông nghiệp được giao là 2.732 m². Hiện trạng sử dụng đất của hộ ông Nguyễn Văn Đ theo kết quả đo đạc năm 1993 gồm: Đất vườn

thừa diện tích là 60 m² được quy đổi thành 30 m² đất lúa ngoài đồng (2 m² đất vườn bằng 1 m² đất ruộng); thửa đất ao giao cơ bản thuộc thửa đất số 205, tờ bản đồ 07/DC, diện tích 235 m² được quy đổi thành 78 m² đất lúa ngoài đồng (3 m² đất ao bằng 1 m² đất ruộng); xứ đồng Trì Thần, thuộc tờ bản đồ số 02, thửa số 93, diện tích 849 m²; xứ đồng Cháy, thuộc tờ bản đồ số 02, số thửa 77, diện tích 858 m²; mạ ở xứ Đồng Cháy, thuộc tờ bản đồ số 03, số thửa 70, diện tích 110 m²; xứ đồng Ngoài Ngoài, thuộc tờ bản đồ số 04, số thửa 133, diện tích 831 m². Còn diện tích 401 m² vẫn thể hiện đất ao Hầy là đất khoán.

- Vụ xuân năm 2003, trên sở phương án thôn L Đ (có sửa chữa bằng bút xóa) cho 4 hộ có tên trên từ đất ao Hầy là ao khoán thành đất cơ bản cho nên mỗi hộ tăng thêm 163 m² đất lúa, tương đương với diện tích 491 m² đất ao (số liệu này xác Đặng Văn Đ có sự nhầm lẫn vì theo số liệu bản đồ đo năm 1993 tổng diện tích đất ao Hầy là 1.605 m² mà trên phương án tổng diện tích là 1.964 m²). Việc sửa chữa này qua xác minh bà Nguyễn Thị T báo cáo ngày 10/4/2014 thể hiện nội dung vụ xuân năm 2003 bà được giao làm phương án, lúc đó ông Trần Văn R (ông R đã chết) làm trưởng thôn L Đ chỉ đạo sửa đất khoán ao Hầy sang quỹ đất cơ bản diện tích mỗi hộ là 491 m².

- Khi thôn L Đ thanh toán với UBND xã Đ G đã phát hiện việc ao Hầy đã được cân đối vào đất cơ bản cho các hộ có tên trên. Do đó từ vụ mùa năm 2003 đến vụ mùa năm 2005 ao Hầy đã được điều chỉnh là ao khoán và diện tích được giảm đi mỗi hộ 90 m², diện tích và sản thu thể hiện trên phương án như sau: ông Đặng Văn Đ (STT 48) diện tích 401 m², sản thu 55,6 kg thóc/năm; ông Nguyễn Văn Đ (STT 145) diện tích 401 m², sản thu 55,6 kg thóc/năm; ông C (STT 75) diện tích 401 m², sản thu 55,6 kg thóc/năm; ông Ch (STT 153) diện tích 401 m², sản thu 55,6 kg thóc/năm.

- Riêng ông Nguyễn Văn Đ nộp sản khoán ao Hầy đến hết năm 2005 và không thực hiện nộp sản khoán ao Hầy từ năm 2006 đến vụ xuân 2014 với lý do thừa ruộng, ông Nguyễn Văn Đ đã tự cân đối trả ra 268 m² xứ đồng Ngoài Ngoài không cấy trong đó có cả diện tích 24 m² đất công điền và 244 m² đất lúa quy đổi đất ao Hầy (do ông Nguyễn Văn Đ tự nhận 729 m² đất ao Hầy là đất ruộng cơ bản giao quỹ I).

- Tháng 10 năm 2011, UBND xã Đ G lập phương án dồn điền, đổi thửa đất nông nghiệp, trên hồ sơ thể hiện tại mục V “*Các thôn phải cân đối theo nguyên tắc từ vườn xuống ao, hết ao điều chỉnh ra ruộng, riêng diện tích ao Hồ thôn Nam Tiến, ao sau trường mầm non, ao Hầy thôn L Đ, ao cạnh ông Yết, 3 ao trước cửa nhà thờ thôn L Đ không đưa vào cân đối*”. Do vậy, một lần nữa trên phương án dồn điền đổi thửa năm 2011 khẳng định đất ao Hầy là đất khoán, không cân đối giao cơ bản cho hộ gia đình nào. Thực hiện dồn điền, đổi thửa đất nông nghiệp phải đảm bảo nguyên tắc nhân dân được bàn bạc, thống nhất tạo sự đồng thuận trong nhân dân nhất là đóng góp đất, kinh phí để làm giao thông thủy lợi nội đồng. Cụ thể đã vận động nhân dân đóng góp 30 m²/khẩu 652. Sau khi cân đối trừ diện tích đóng góp đất làm giao thông thủy lợi nội đồng thì diện tích còn lại thôn L Đ thống nhất

phương án chia ruộng theo tỷ lệ 52% đồng gần và 48% đồng xa. Khi đó ông Nguyễn Văn Đ cũng là thành viên thuộc tiểu ban dồn điền của thôn L Đ xã Đ G và ông Nguyễn Văn Đ vẫn thực hiện bốc số chia ruộng bình thường. Theo tiêu chuẩn khẩu nông nghiệp hộ ông Nguyễn Văn Đ có 4 khẩu theo quyết định 652/QĐ-UB và 4 khẩu theo quyết định 948/QĐ-UB, tổng diện tích đất nông nghiệp là 2.732 m², sau khi trừ đóng góp giao thông thủy lợi nội đồng là 120 m² diện tích còn lại là 2.612 m² được giao ở các vị trí sau: xứ đồng Cháy, diện tích 1.239 m²; mạ ở xứ Đồng Cháy, diện tích 120 m²; xứ đồng Ngoài Ngoài, diện tích 1.145 m²; đất vườn thừa diện tích là 60 m² được quy đổi thành 30 m² đất lúa; đất ao giao cơ bản 235 m² được quy đổi thành 78 m² đất lúa.

Như vậy, tổng diện tích đất nông nghiệp của hộ ông Nguyễn Văn Đ là đủ. Còn diện tích 401 m² vẫn thể hiện đất ao Hầy là đất khoán. Đến khi thôn L Đ chia ruộng ở đồng xa ông Nguyễn Văn Đ nhận ruộng và tự để lại diện tích 243 m² không cấy lý do ông được giao ao Hầy, hiện vị trí đất khoanh lại các hộ có ruộng liền kề đã tự cấy (ông Nguyễn Văn Đ trình bày do đất ao Hầy ông đã được giao thành đất quỹ 1 nên ông không nhận ruộng).

Căn cứ vào hồ sơ tài liệu do UBND xã Đ G cung cấp và quá trình quản lý sử dụng ao Hầy thì xác định việc chia ruộng và giao ruộng cho các hộ dân theo chủ trương dồn điền đổi thửa của Nhà nước, phương án dồn điền đổi thửa đã được nhân dân bàn bạc thống nhất. Theo phương án dồn điền đổi thửa đất nông nghiệp năm 2002 và năm 2011 xã Đ G vẫn để đất ao Hầy là đất công ích do UBND xã quản lý; Đến năm 2005, gia đình ông Nguyễn Văn Đ vẫn thực hiện đầy đủ sản khoán ao Hầy là 55,6 kg/năm, đến vụ xuân năm 2006 ông Nguyễn Văn Đ khô sản khoán ao Hầy; ông Nguyễn Văn Đ cung cấp bản photo đơn thỏa thuận đổi ruộng lấy ao sử dụng lâu dài, đơn ghi ngày 31/12/2002. Văn bản này đã được xác minh không có giá trị pháp lý. Như vậy khẳng định việc đất ao Hầy vẫn là đất công ích do UBND xã quản lý không giao là đất cơ bản cho hộ nào. Việc ông Nguyễn Văn Đ cho rằng ao Hầy đã được cân đổi thành đất cơ bản cho gia đình từ cuối năm 2002 diện tích 729 m² (bằng 1/2 diện tích đất ao theo số liệu bản đồ 299/TTg) là không đúng.

Vì vậy, việc ông Nguyễn Văn Đ có đơn khiếu nại Quyết định số 39/QĐ-UBND ngày 21/12/2012 của Chủ tịch UBND xã Đ G về việc giải quyết đất ao Hầy tại thôn L Đ xã Đ G đơn đề ngày 14/8/2014 là không đủ cơ sở giải quyết. Chủ tịch UBND huyện Đ đã ra Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 9892/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 với nội dung công nhận Quyết định số 39/QĐ-UBND, ngày 21/12/2012 của Chủ tịch UBND xã Đ G là đúng và yêu cầu ông Nguyễn Văn Đ thực hiện quyết định số 39/QĐ-UBND ngày 21/12/2012 của Chủ tịch UBND xã Đ G. Chủ tịch UBND huyện Đ không nhất trí với toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ, đề nghị Tòa án xử bác yêu cầu khởi kiện của ông Đ.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Chủ tịch UBND xã Đ G có quan điểm trình bày như sau:*

- Năm 1989 UBND xã Đ G có giao cho ông Đặng Văn Đ, trú quán thôn L Đ, xã Đ G nhận khoán ao Hầy với diện tích là 1.458 m^2 . Đến năm 1991 mới thể hiện phân thu sản phẩm. Theo biên bản làm việc ngày 13/12/2011 giữa ông Đặng Văn Đ với Ủy ban kiểm tra Đảng ủy xã thì diện tích ao Hầy ông Đặng Văn Đ cho các ông Trần Văn Ch, ông Đặng Anh C, ông Nguyễn Văn Đ nhận khoán chung (nhưng vẫn đứng tên ông Đặng Văn Đ). Đến năm 1998 ông Đặng Văn Đ đề nghị trưởng xóm 7 là ông Đặng Văn Y tách phần diện tích ao Hầy trên cho 4 hộ gia đình nhận khoán để thu trên phương án để hàng vụ, để ông Đặng Văn Đ không phải đi thu sản phẩm của các hộ chung ao nộp tập thể.

- Năm 1989-1997, trong sổ sách lưu về phân khoán thu, phương án thu của Hợp tác xã nông nghiệp không thể hiện phân thu khoán ao Hầy mang tên ông Nguyễn Văn Đ. Từ năm 1998-2002, trong phương án thu của UBND xã có thể hiện phân thu diện tích ao khoán của hộ ông Nguyễn Văn Đ thể hiện diện tích khoán ao là 491 m^2 .

- Năm 2003-2012 qua phương án dồn điền đổi thửa đất nông nghiệp của UBND xã Đ G thấy: tại phương án vụ xuân năm 2003 cán bộ xóm đã tự tiện cân đối diện tích ao Hầy vào quỹ 1 cho hộ ông Nguyễn Văn Đ, đã dùng bút xóa, xóa số liệu trong cột khoán ao, bút xóa nay đã phai mực, số m^2 cột khoán ao thể hiện là 491 m^2 ; tại phương án vụ mùa năm 2003 có thể hiện phân thu diện tích khoán ao là 401 m^2 bình thường như hàng vụ hàng năm không thấy tẩy xóa như vụ xuân 2003. Tại phương án năm 2004 đến năm 2011, diện tích khoán ao thể hiện trên phương án thu của UBND xã là 401 m^2 .

- Theo phương án dồn điền đổi thửa năm 2012 trong phương án dồn điền đổi thửa số 02 ngày 22/8/2002 của UBND xã Đ G thể hiện diện tích ao hồ xóm 1, ao sau trường mầm non và ao Hầy là để ao khoán công điền không cân đối vào quỹ 1 cho các hộ gia đình hiện đang nhận khoán. Kết quả dồn điền đổi thửa năm 2012, gia đình ông Nguyễn Văn Đ có: khẩu 652 có $4 \text{ khẩu} \times 618 \text{ m}^2 = 2.472 \text{ m}^2$; khẩu 948 có $4 \text{ khẩu} \times 35 \text{ m}^2 = 140 \text{ m}^2$; tổng diện tích được hưởng là 2.612 m^2 . Trong đó: diện tích vườn ao quy là 108 m^2 ; diện tích được mạ là: 120 m^2 ; 52% diện tích gần ở Đồng Cháy là 1.239 m^2 ; 48% diện tích xa ở Ngoài Ngoài là 1.145 m^2 . Diện tích ruộng nông nghiệp của hộ ông Nguyễn Văn Đ được chia đủ theo quy định. Ngoài ra trên sổ quản lý địa chính ông Nguyễn Văn Đ đang sử dụng khoán 401 m^2 ao khoán tại ao Hầy. Tiểu ban dồn điền đổi thửa của thôn L Đ đã thực hiện đúng theo phương án dồn điền đổi thửa của UBND xã.

- Theo hội nghị họp thôn thống nhất là các hộ gia đình bốc phiếu hưởng diện tích gần là 52%; diện tích xa là 48%. Theo kết quả bốc thăm vùng đồng Cháy và vùng Ngoài Ngoài thì gia đình ông Nguyễn Văn Đ bốc thăm được số 11. Tổng diện tích gia đình ông Nguyễn Văn Đ được hưởng là 2.612 m^2 . So sánh số khẩu 652 và khẩu 948 gia đình ông Nguyễn Văn Đ được hưởng là vừa đủ số diện tích đã chia theo tỷ lệ ở các vùng và số vườn ao quy đổi. Như vậy ao Hầy vẫn là ao khoán công điền không đưa vào cân đối quỹ đất 1 của gia đình ông. Việc UBND xã vẫn lên thu sản phẩm khoán ao là đúng.

Ngày 23/6/2014, UBND xã Đ G đã ra Thông báo số 12/TB-UBND với nội dung đến hết ngày 30/6/2014 chấm dứt việc khoán đất ao Hầy đối với các hộ đang sử dụng, kể từ ngày 01/7/2014 các hộ gia đình phải ngừng việc đầu tư canh tác trên diện tích đất ao Hầy và đến ngày 31/10/2014 các hộ gia đình phải thực hiện xong việc thu hoạch toàn bộ số tài sản trên đất ao Hầy để trả lại mặt bằng cho UBND xã quản lý. Ngày 13/5/2015, UBND xã đã tổ chức đấu khoán đất ao Hầy và ngày 02/6/2015 đã ký hợp đồng cho ông Đặng Văn Đ thuê khoán toàn bộ diện tích đất ao Hầy với thời hạn là 05 năm.

Chủ tịch UBND xã Đ G không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ, đề nghị Tòa án xử bác yêu cầu khởi kiện của ông Đ.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đặng Thị Q, chị Nguyễn Thị Thúy D và anh Nguyễn Văn D có quan điểm trình bày: Nhất trí hoàn toàn với việc trình bày và các yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ, ngoài ra không có trình bày và yêu cầu nào khác.*

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2017/HC-ST ngày 28/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình quyết định:

Căn cứ khoản 5 Điều 1 của Nghị quyết 104/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội về việc thi hành luật tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật Tổ tụng Hành Chính năm 2015;

Căn cứ khoản 4, khoản 5 và khoản 6 Điều 25; khoản 4 Điều 26; điểm a và điểm b khoản 2 Điều 71; khoản 2 và khoản 3 Điều 72; khoản 1 và khoản 2 Điều 138 của Luật đất đai năm 2003, được sửa đổi bổ sung năm 2009;

Căn cứ khoản 2 Điều 163 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 20/10/2004 của Chính Phủ về việc thi hành Luật đất đai; Điều 65 Nghị định số: 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính Phủ Về việc quy định bổ sung về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai;

Căn cứ điểm b khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 59, khoản 2 Điều 204 của Luật đất đai năm 2013;

Khoản 1 Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Điều 27, khoản 2 và khoản 3 Điều 34 của Pháp lệnh số: 10/2009/UBTVQH12 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về Án phí, lệ phí Tòa án; Điều 348 của Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Khoản 3 Điều 19 của Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội Đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Pháp lệnh về Án phí, Lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 02/2015/NQ-HĐTP ngày 15/01/2015 Sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị Quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Pháp luật về Án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ. Bác yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại 6.000.000 đồng của ông Nguyễn Văn Đ.

Ngoài ra án sơ thẩm còn quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/8/2017, người khởi kiện ông Nguyễn Văn Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đặng Thị Q, chị Nguyễn Thị Thúy D, anh Nguyễn Văn D có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với các lý do: Thẩm phán vi phạm luật tố tụng hành chính trong quá trình điều khiển phiên tòa sơ thẩm; xác định sai đối tượng hành chính và người bị kiện; thu thập tài liệu chứng cứ không khách quan, đánh giá và sử dụng chứng cứ tùy tiện không tôn trọng sự thật; bao che dung túng cho hành vi sửa chữa, tẩy xóa và làm giả tài liệu; không chuyển hồ sơ vụ án sang cơ quan điều tra khi đã có đủ dấu hiệu của tội phạm. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người khởi kiện là ông Nguyễn Văn Đ thay đổi một phần yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn D thống nhất với quan điểm của ông Đ.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện có quan điểm:

- + Một nửa diện tích đất ao Hầy UBND xã Đ G đã giao cho gia đình ông Nguyễn Văn Đ vào quỹ đất 1 từ năm 2003, được chứng minh bằng 02 thông báo thu sản phẩm năm 2003 cho gia đình ông Nguyễn Văn Đ, cùng quyết định giải quyết khiếu nại và công văn số 14/UBND ngày 09/5/2009 của UBND xã Đ G.

- + Diện tích đất, ao vườn của gia đình ông Nguyễn Văn Đ không phải là đối tượng điều chỉnh dồn điền đổi thửa năm 2011.

- + Ao Hầy khoán cho ông Đặng Văn Đ và ông Nguyễn Văn Đ từ năm 1989 đến hết năm 2002, những năm này ông Nguyễn Văn Đ đã đóng sản phẩm khoán ao trên diện tích $\frac{1}{2}$ ao Hầy. Việc đưa ông Ch và ông C vào nhận khoán ao Hầy là việc riêng của ông Đặng Văn Đ trên phần diện tích $\frac{1}{2}$ ao Hầy nhận khoán của ông Đặng Văn Đ, UBND xã Đ G không can thiệp. Việc thu sản phẩm khoán ao của ông Ch và ông C chỉ thấy có lời khai mà không thấy có chứng cứ nào khác để chứng minh cho việc giao nộp sản phẩm của ông Ch và ông C. Hơn nữa những lời khai khoán ao cho 04 người lại được thu thập không đúng với quy định của pháp luật, có dấu hiệu của sự mớm lời khai. Nếu như có việc thu sản phẩm của ông Ch và ông C là sai vì gia đình ông Nguyễn Văn Đ cũng đóng sản phẩm trên $\frac{1}{2}$ diện tích ao Hầy.

- + Có dấu hiệu của việc làm giả tài liệu, để không chấp nhận quyền sử dụng $\frac{1}{2}$ ao Hầy của gia đình ông Nguyễn Văn Đ. Hội đồng xét xử có tình bao che cho hành vi làm giả số liệu trong sổ qui chủ và sổ phương án thu của Hợp tác xã nông nghiệp, không chuyển hồ sơ sang cơ quan điều tra theo quy định của pháp luật.

- + Việc thu hồi $\frac{1}{2}$ diện tích đất ao Hầy là sai với quy định của pháp luật.

+ Việc trả lại ruộng khoán của gia đình ông Nguyễn Văn Đ mà UBND xã không nhận lại sai với Quyết định số 214/QĐ-UBND ngày 15/02/2011 của UBND tỉnh Thái Bình về việc ban hành đề án dồn điền, đổi thửa đất nông nghiệp thực hiện quy hoạch nông thôn mới.

+ Việc thu thập chứng cứ là lời khai của các đương sự, người làm chứng không khách quan, trái quy định của pháp luật.

+ Trình tự giải quyết khiếu nại và ban hành quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện Đ và Chủ tịch UBND xã Đ G vi phạm những điều cấm của Luật khiếu nại, không khách quan, dựa trên những tài liệu sửa chữa có dấu hiệu làm giả và những lời khai gian dối không chính xác mâu thuẫn với những chứng cứ khác và mâu thuẫn với chính lời khai của người khai. Không tổ chức đối thoại và lập hồ sơ giải quyết khiếu nại theo quy định của pháp luật

+ Chủ tọa phiên tòa sơ thẩm vi phạm điều 177, 180, 181 Luật tổ tụng hành chính, đồng thời xác định sai tư cách tham gia tố tụng của Chủ tịch UBND xã Đ G. Hội đồng xét xử ra bản án dựa trên chứng cứ bị sửa chữa, thêm bớt có dấu hiệu làm giả, sai sự thật khách quan, vi phạm pháp luật.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy án sơ thẩm để chuyển hồ sơ cho cơ quan điều tra làm rõ về việc làm giả tài liệu, chứng cứ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Chủ tịch UBND xã Đ G có quan điểm vẫn giữ nguyên các quan điểm đã trình bày tại cấp sơ thẩm và trình bày bổ sung thêm nội dung: Khi thực hiện Quyết định 652 (năm 1993) và Quyết định 948 (năm 2003) không đưa ao Hầy vào diện giao ổn định, lâu dài cho hộ gia đình cá nhân. Quan điểm của chính quyền địa phương là muốn cho địa phương ổn định, dù giao khoán hay giao lâu dài thì mục đích đều để phát triển sản xuất, tăng thu nhập cho người dân. Còn việc thực hiện phương án dồn điền, đổi thửa do tiêu chuẩn ban dồn điền, đổi thửa tại xóm, thôn thực hiện theo nguyên tắc dân chủ, sau khi thống nhất xong thì mới chuyển kết quả, sổ sách lên UBND xã để quản lý và theo dõi. Theo quy định của Quyết định 652 và 948, thì việc chuyển từ đất quỹ 2 sang đất quỹ 1 UBND xã phải tiến hành họp nhân dân, lập báo cáo UBND huyện phê duyệt, nếu được phê duyệt thì mới về triển khai. Ngày 15/02/2004, ông Đặng Văn Đ và ông Nguyễn Văn Đ mới có đơn xin chuyển đất ao Hầy từ khoán thành đất quỹ 1, khi đó đã dồn điền, đổi thửa xong, tiểu ban dồn điền, đổi thửa tại thôn L Đ đã giải thể, UBND xã đã xem xét nhưng chưa giải quyết. Chủ tịch UBND xã Đ G không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đ, bà Q, chị D và anh D.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa trình bày quan điểm giải quyết vụ án:

+ Về tố tụng: Hội đồng xét xử phúc thẩm, thư ký đã tuân theo đúng quy định của pháp luật trong quá trình xét xử, tranh tụng tại phiên tòa, các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật. Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn Đ, bà Đặng Thị Q, chị Nguyễn Thị Thúy D, anh Nguyễn Văn D làm

trong thời hạn luật định là hợp lệ. Việc ông Đ thay đổi một phần yêu cầu kháng cáo là trong phạm vi kháng cáo ban đầu.

+ Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định sai tư cách tham gia tố tụng, với lý do ông Nguyễn Văn Đ yêu cầu Tòa án hủy cả quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 9892/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của Chủ tịch UBND huyện Đ và quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 39/QĐ-UBND ngày 21/12/2012 của Chủ tịch UBND xã Đ G, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xác định Chủ tịch UBND huyện Đ là người bị kiện và Chủ tịch UBND xã Đ G là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không đúng. Đáng lẽ, trong vụ án này phải xác định cả Chủ tịch UBND xã Đ G là người bị kiện vì sau khi nhận được quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu thì ông Nguyễn Văn Đ đã liên tục gửi đơn khiếu nại đến người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần hai, đến ngày 31/12/2014 của Chủ tịch UBND huyện Đ đã ra quyết định giải quyết khiếu nại lần hai nên đến ngày 14/12/2015 ông Nguyễn Văn Đ nộp khởi kiện tại Tòa án là còn thời hiệu khởi kiện đối với cả 02 quyết định giải quyết khiếu nại nêu trên. Mặt khác, ông Nguyễn Văn Đ còn yêu cầu UBND xã Đ G phải trả lại 729 m² đất ao Hây và bồi thường sản phẩm từ ngày 11/6/2014 đến ngày trả lại ao Hây mỗi năm là 6.000.000 đồng. Trong khi đó, ngày 23/6/2014, UBND xã Đ G đã ra Thông báo số 12/TB-UBND chấm dứt việc khoán đất ao Hây đối với các hộ đang sử dụng và ngày 02/6/2015 đã ký hợp đồng cho ông Đặng Văn Đ thuê khoán toàn bộ diện tích đất ao Hây với thời hạn là 05 năm. Nên phải đưa UBND xã Đ G và ông Đặng Văn Đ vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Vì vậy, đây là những vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng của Tòa án cấp sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 3 Điều 241 Luật tố tụng hành chính hủy án sơ thẩm, chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các đương sự. Hội đồng xét xử phúc thẩm vụ án hành chính nhận thấy:

[1] *Về tính hợp pháp của kháng cáo:* Đơn kháng cáo của người khởi kiện là ông Nguyễn Văn Đ và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Q, chị D, anh D được làm trong thời hạn luật định; việc thay đổi yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn Đ tại phiên tòa phúc thẩm không vượt quá yêu cầu kháng cáo ban đầu là hợp lệ, được chấp nhận xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] *Về việc vắng mặt của đương sự:* Xét thấy, người bị kiện là Chủ tịch UBND huyện Đ và người đại diện theo ủy quyền vắng mặt tại phiên tòa nhưng người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND huyện Đ đã có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo là bà Q, chị D vắng mặt nhưng có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Văn Đ tham gia phiên tòa một số người làm chứng vắng mặt nhưng đã lời khai trong hồ sơ. Vì vậy, Tòa án tiến

hành xét xử vắng mặt những người nêu trên là phù hợp với quy định tại Điều 225 của Luật tổ tụng hành chính

[3] *Về đối tượng khởi kiện*: Đây là vụ án khởi kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai của Chủ tịch UBND cấp huyện, Chủ tịch và UBND cấp xã, Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý ngày 24/6/2017, nên tiếp tục giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 1 Nghị quyết 104/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội về việc thi hành Luật tổ tụng hành chính năm 2015.

[4] *Về thời hiệu khởi kiện và xác định tư cách đương sự*: Ông Nguyễn Văn Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 9892/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) của Chủ tịch UBND huyện Đ và Quyết định số 39/QĐ-UBND ngày 21/12/2012 về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của Chủ tịch UBND xã Đ G. Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xác định Chủ tịch UBND huyện Đ là người bị kiện và Chủ tịch UBND xã Đ G là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không đúng. Vì sau khi nhận được quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu thì ông Nguyễn Văn Đ đã liên tục gửi đơn khiếu nại đến người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần hai, đến ngày 31/12/2014 của Chủ tịch UBND huyện Đ đã ra quyết định giải quyết khiếu nại lần hai, nên đến ngày 14/12/2015 ông Nguyễn Văn Đ nộp khởi kiện tại Tòa án là còn thời hiệu khởi kiện đối với cả 02 quyết định giải quyết khiếu nại. Vì vậy, cần phải xác định cả Chủ tịch UBND huyện Đ và Chủ tịch UBND xã Đ G là người bị kiện mới đúng với quy định tại các điều 3, 104 Luật tổ tụng hành chính năm 2010. Mặt khác, trong vụ án ông Nguyễn Văn Đ còn khởi kiện yêu cầu UBND xã Đ G trả lại 729 m² đất ao Hây, quy đổi bằng 243 m² đất quỹ 1 theo đúng pháp luật và chấm dứt ngay việc thông báo không kê sản từ năm 2006 đến nay; yêu cầu bồi thường sản phẩm từ ngày 11/6/2014 đến ngày trả lại ao Hây mỗi năm là 6.000.000 đồng. Đây là những yêu cầu khởi kiện UBND xã Đ G thực hiện, không được thực hiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai và yêu cầu bồi thường thiệt hại do hành vi hành chính, quyết định hành chính gây ra. Trong khi đó, toàn bộ diện tích đất ao Hây trong đó có diện tích đất ao mà ông Nguyễn Văn Đ khởi kiện yêu cầu UBND xã Đ G phải trả lại và đưa vào đất quỹ 1 cho gia đình ông Nguyễn Văn Đ đã được UBND xã Đ G ký hợp đồng ngày 02/6/2015 cho ông Đặng Văn Đ thuê khoán với thời hạn là 05 năm. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định thiếu người bị kiện là UBND xã Đ G và không đưa ông Đặng Văn Đ vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, không đảm bảo nguyên tắc hai cấp xét xử theo quy định tại Điều 11, 19 Luật tổ tụng hành chính 2015.

[5] *Về việc người khởi kiện rút một phần yêu cầu khởi kiện*: Xét thấy, tại phiên tòa sơ thẩm ông Nguyễn Văn Đ đã rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu UBND xã Đ G bồi thường danh dự trong 10 năm UBND xã Đ G thông báo không kê sản; bồi thường chi phí 10 năm đi kêu oan khiếu nại. Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm

không xem xét chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu mà đương sự đã rút là vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 173 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

[6] *Về việc tách yêu cầu bồi thường thiệt hại*: Xét thấy, ông Nguyễn Văn Đ có yêu cầu khởi kiện yêu cầu UBND xã ĐG phải bồi thường tiền cá giống đã thả xuống ao Hầy từ ngày 11/6/2014 với số tiền là 2.805.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Văn Đ đã cung cấp chứng cứ về việc mua, số tiền mua cá giống để thả xuống ao Hầy và việc đánh bắt cá tại ao của gia đình ông Nguyễn Văn Đ để thả xuống ao Hầy ngày 11/6/2014. Như vậy, đây không phải trường hợp chưa có điều kiện để chứng minh, đáng lẽ Tòa án cấp sơ thẩm phải tiến hành xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ để đảm bảo việc giải quyết vụ án được chính xác. Nhưng, Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành điều tra, xác minh mà lại tách phần yêu cầu bồi thường thiệt hại nêu trên của ông Nguyễn Văn Đ ra để giải quyết bằng vụ án dân sự khác là không đúng với quy định tại Điều 7 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

[7] *Về việc quyết định của bản án*: Xét thấy, người khởi kiện có nhiều yêu cầu khởi kiện, Hội đồng xét xử sơ thẩm cũng đã có những nhận định đối với từng yêu cầu khởi kiện, nhưng trong phần quyết định của bản án sơ thẩm chỉ tuyên: “Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ. Bác yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại 6.000.000 đồng của ông Nguyễn Văn Đ” là quyết định không rõ ràng, chưa giải quyết hết các yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện và không đúng với quy định tại điểm c khoản 2 Điều 194 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

[8] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định không đúng và thiếu người bị kiện, xác định thiếu người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; không giải quyết việc người khởi kiện rút một phần yêu cầu khởi kiện tại phiên tòa sơ thẩm; tách việc yêu cầu bồi thường thiệt hại để giải quyết bằng vụ án dân sự khác không đúng quy định; phần quyết định của bản án không đầy đủ, chưa giải quyết hết yêu cầu của người khởi kiện. Đây là những vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy có căn cứ để chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn Đ, bà Q, chị D, anh D cũng như quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Văn Đ và quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình, hủy án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án có thẩm quyền xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm. Do hủy án, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét giải quyết về nội dung vụ án.

[9] Về án phí: Ông Nguyễn Văn Đ, bà Q, chị D và anh D không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Trả lại ông Nguyễn Văn Đ, bà Q, chị D và anh D số tiền đã nộp tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 241 Luật tố tụng hành chính năm 2015; khoản 3 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Hủy toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm số 01/2017/HC-ST ngày 28/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí:

- Án phí hành chính sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm sẽ được quyết định khi vụ án được xét xử lại.

- Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn Đ, bà Đặng Thị Q, chị Nguyễn Thị Thúy D và anh Nguyễn Văn D không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Trả lại ông Nguyễn Văn Đ số tiền 300.000 đồng, bà Đặng Thị Q số tiền 300.000 đồng, chị Nguyễn Thị Thúy D số tiền 300.000 đồng và anh Nguyễn Văn D số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm tại các biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007373, 0007374, 0007375, 0007376 ngày 09/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 21 tháng 12 năm 2017./

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TAND; VKSND; Chi cục THADS huyện Đông Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Nguyễn Thái Hà